

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thùy và ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Lê Mạnh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 02 năm 2025 được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu N trình bày: Chị và anh Lê Mạnh T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 28-9-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại nhà bố mẹ anh T ở thôn T, xã V; vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T gia trưởng, bạo lực, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm chu cấp, nuôi dạy con cái. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng Chị có hai con chung tên Lê Thị Nhã P, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016 và Lê Hải N1, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2018, hiện nay đang sống chung cùng chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Chị có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Mạnh T đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt. Ngày 12 tháng 3 năm 2025, Tòa án đã xác minh tại công an xã V, ông Lê Quốc H, Phó Trưởng Công an xã cung cấp: Anh Lê Mạnh T có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hiện nay anh T đang có mặt và làm ăn sinh sống tại địa phương.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Thu N, xử cho chị N được ly hôn anh Lê Mạnh T. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao hai con Lê Thị Nhã P, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016 và Lê Hải N1, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời không buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Mạnh T có địa chỉ thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và giải quyết việc nuôi con. Vì vậy, quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Mạnh T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu N và anh Lê Mạnh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của A, Chị là hợp pháp. Chị N cho rằng anh T gia trưởng, bạo lực, đánh đập vợ con,

không có trách nhiệm chu cấp, nuôi dạy con cái, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, giữa hai người không còn tình cảm nên Chị xin được ly hôn để ổn định cuộc sống, tập trung nuôi dạy con chung. Anh T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không đến Tòa án, mặc dù anh T đang có mặt tại địa phương; điều đó chứng tỏ anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ muốn kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu N.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Lê Mạnh T có hai đứa con chung tên Lê Thị Nhã P, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016 và Lê Hải N1, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2018, hiện nay đang sống cùng chị N. Chị N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con ở cùng chị N từ năm 2022 đến nay đã ổn định, các con cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên HĐXX cần chấp nhận là phù hợp với Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thu N khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét xét. Sau này, nếu có tranh chấp anh T sẽ khởi kiện vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Thu N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu N và anh Lê Mạnh T.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao con Lê Thị Nhã P, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016 và Lê Hải N1, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2018 cho chị Lê Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); tạm thời không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị N phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 0004035, ngày 10 tháng 02 năm 2025.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu N và anh anh Lê Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã T;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn